

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

M.S.N

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 54

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai (nay là Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai) cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG". Công ty đã hủy niêm yết cổ phiếu trên SGDCKHCM theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành và chuyển sang giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch ("UPCOM") theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") ban hành.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trồng và kinh doanh trái cây, cao su và các loại cây trồng khác; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi bò; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
	không điều hành	
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Bá Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2025
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2025

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bảo Sơn.

Ông Phan Bá Cường được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 05/2025/GUQ-TGĐ HAGL Agrico ngày 1 tháng 8 năm 2025.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÓI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

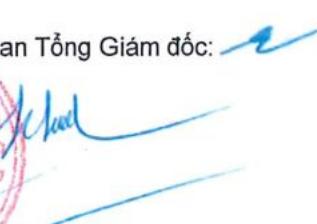
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Phan Bá Cường  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 12827243/68613178/LR-HN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future  
with confidence

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 258.898.322 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, và cũng tại ngày này, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 9.643.023.098 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 12.955.345.986 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGÂN HẠN</b>		<b>2.748.201.562</b>	<b>2.474.455.316</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>18.011.677</b>	<b>69.818.682</b>
111	1. Tiền		18.011.677	69.818.682
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>298.168.595</b>	<b>364.823.159</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.190.914	115.083.863
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	134.255.414	128.250.447
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	159.722.267	165.261.021
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	-	(43.772.172)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>2.319.681.699</b>	<b>1.937.430.054</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.400.001.121	2.017.115.531
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(80.319.422)	(79.685.477)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>112.339.591</b>	<b>102.383.421</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	11.672.042	10.012.595
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	9	99.908.247	91.738.986
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	759.302	631.840
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>15.533.107.256</b>	<b>14.221.038.454</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.086.595.816</b>	<b>2.034.606.179</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10	2.079.634.151	2.034.606.179
216	2. Phải thu dài hạn khác		6.961.665	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.529.698.990</b>	<b>5.348.929.120</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.521.355.870	5.340.338.759
222	Nguyên giá		9.027.221.786	8.543.450.023
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.505.865.916)	(3.203.111.264)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	8.343.120	8.590.361
228	Nguyên giá		12.230.588	12.095.251
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.887.468)	(3.504.890)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>7.412.698.611</b>	<b>6.330.558.156</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	7.412.698.611	6.330.558.156
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>339.249.952</b>	<b>337.952.313</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		339.249.952	337.952.313
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(2.594.610)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>164.863.887</b>	<b>168.992.686</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	68.385.373	72.082.672
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	96.478.514	96.910.014
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>18.281.308.818</b>	<b>16.695.493.770</b>

BẢNG CÂN ĐÔI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.676.481.467	15.059.861.988
310	I. Nợ ngắn hạn		15.703.547.548	14.304.209.578
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.603.807.028	1.283.068.487
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	2.651.287.078	1.993.780.825
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	13.953.076	13.481.879
314	4. Phải trả người lao động		33.976.685	43.890.719
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.587.365.917	1.215.349.958
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	162.243.356	142.810.450
320	7. Vay ngắn hạn	21	9.650.914.408	9.611.827.260
330	II. Nợ dài hạn		972.933.919	755.652.410
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	235.179.670	221.699.725
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	159.341.154	195.696.764
338	3. Vay dài hạn	21	578.413.095	338.255.921
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.604.827.351	1.635.631.782
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.604.827.351	1.635.631.782
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.007.815.501)	(1.235.909.392)
421	4. Lỗ lũy kế		(9.643.023.098)	(9.384.124.776)
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước		(9.384.124.776)	(8.102.246.128)
421b	- Lỗ sau thuế kỳ này		(258.898.322)	(1.281.878.648)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.281.308.818	16.695.493.770

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng

Phan Bá Cường  
Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	216.786.734	147.170.692
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(174.858.137)	(409.742.781)
20	3. Lãi (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.928.597	(262.572.089)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	44.882.688	63.165.079
22	5. Chi phí tài chính	26	(230.099.650)	(160.889.654)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(229.137.334)	(154.767.616)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết	15.1	1.297.639	11.162.768
25	7. Chi phí bán hàng	27	(4.241.889)	(5.109.756)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(8.362.110)	(11.501.839)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(154.594.725)	(365.745.491)
31	10. Thu nhập khác	28	26.453.838	2.223.069
32	11. Chi phí khác	28	(130.325.935)	(1.956.312)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(103.872.097)	266.757
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(258.466.822)	(365.478.734)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	(233.893)
52	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(431.500)	2.203.591
60	16. Lỗ thuần sau thuế TNDN		(258.898.322)	(363.509.036)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
61	17. Lỗ thuần sau thuế của công ty mẹ	22	(258.898.322)	(363.509.036)
70	18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	23	(234)	(328)
71	19. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND)	23	(234)	(328)

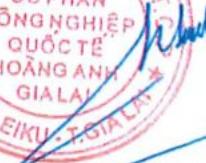
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng

Phan Bá Cường  
Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(258.466.822)</b>	<b>(365.478.734)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		266.338.439	275.997.241
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(43.138.227)	140.056.888
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(44.356.467)	(48.125.649)
06	Chi phí lãi vay	26	(1.263.621)	(67.964)
08	<b>Lãi hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>148.250.636</b>	<b>157.149.398</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(226.366.812)	434.654.449
10	Tăng hàng tồn kho		(451.021.783)	(328.743.893)
11	Tăng các khoản phải trả		975.839.729	157.238.824
12	Tăng chi phí trả trước		(109.306)	(6.840.332)
14	Tiền lãi vay đã trả		(40.440.967)	(53.249.195)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29.1	(118.272)	(35.446)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>406.033.225</b>	<b>360.173.805</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(726.278.757)	(585.933.457)
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay		-	(691.862.989)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		33.900	67.964
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(726.244.857)</b>	<b>(1.277.728.482)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
33	<b>III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền thu từ đi vay	21	537.158.627	1.476.849.993
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(268.754.000)	(619.115.238)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		268.404.627	857.734.755
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(51.807.005)	(59.819.922)
60	Tiền đầu kỳ		69.818.682	75.967.251
70	Tiền cuối kỳ	4	18.011.677	16.147.329

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng




Phan Bá Cường  
Phó Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp (nay là Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai) vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG". Công ty đã hủy niêm yết cổ phiếu trên SGDCKHCM theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 8 năm 2024 do SGDCKHCM ban hành và chuyển sang giao dịch trên UPCOM theo Quyết định số 4111/TB-SGDHN và Quyết định số 974/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 do HNX ban hành.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trồng và kinh doanh trái cây, cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cày giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi bò; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 7.732 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: là 6.139).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Trụ sở	Tình trạng sở hữu và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)
<b>Công ty con</b>				
(1) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Nông nghiệp và xây dựng	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100
(2) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Nông nghiệp	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("HA Rattanakiri")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("HA Oyadav")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(6) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(7) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất Kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào ("Nam Lào") (*)	Nông nghiệp và xây dựng	Attapeu, Lào	Trước hoạt động	100
<b>Công ty liên kết</b>				
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar")	Nông nghiệp	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14

(\*) Nam Lào được thành lập ngày 5 tháng 1 năm 2024 theo GCNĐKKD số 0005/ĐKDN cấp bởi Cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Sở Công nghiệp và Thương mại tỉnh Attapeu, Lào và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 002-2024/KHĐT.ĐT4 cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, để thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 258.898.322 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Đồng thời, cũng vào ngày này, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 9.643.023.098 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 12.955.345.986 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu vận hành và thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn trong tương lai gần, cùng với sự hỗ trợ tài chính tiếp tục của các cổ đông.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập kế hoạch kinh doanh và dự báo dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo trên cơ sở kỳ vọng về (i) dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc triển khai các dự án nông nghiệp quy mô lớn, (ii) các khoản giải ngân nợ vay với các ngân hàng thương mại từ các hợp đồng tín dụng hiện tại và (iii) dòng tiền hỗ trợ tài chính bổ sung từ cổ đông. Cụ thể, cổ đông lớn của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco") đã cam kết sẽ hỗ trợ nguồn tài chính bổ sung cần thiết cũng như gia hạn các khoản công nợ đến hạn thanh toán của Nhóm Công ty với cổ đông để đảm bảo Nhóm Công ty có thể hoạt động bình thường.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty dự kiến sẽ có thể tiếp tục hoạt động và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, và theo đó, sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các nghĩa vụ đến hạn trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cản trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa      | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

#### *Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng*

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đèn bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 25 năm
Chương trình phần mềm	10 năm
Gia súc chăn nuôi	8 năm
Tài sản khác	10 - 15 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

*Khấu hao các loại cây trồng lâu năm*

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)			
	Vườn cây cao su (i)	Vườn cây chuối (ii)	Vườn mít (iii)	Vườn xoài (iv)
Năm thứ 1	2,50	10,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	2,80	10,00	1,80	1,00
Năm thứ 3	3,50	10,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	4,40	10,00	5,80	4,30
Năm thứ 5	4,80	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 6	5,40	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 7	5,40	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 8	5,10	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 9	5,10	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 10	5,00	Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 11	7,00		5,80	5,80
Năm thứ 12	6,60		5,80	5,80
Năm thứ 13	6,20		5,80	5,80
Năm thứ 14	5,90		5,80	5,80
Năm thứ 15	5,50		5,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		4,70	5,80
Năm thứ 17	5,00		4,70	5,80
Năm thứ 18	5,50		4,70	5,80
Năm thứ 19	5,20		4,70	5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại		Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

#### Vườn cây cao su

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ cây đủ tiêu chuẩn cạo mủ (chu vi thân cây đo cách mặt đất 1m đạt từ 45cm trở lên và độ dày vỏ ở độ cao 1m cách mặt đất đạt từ 6mm trở lên) đạt trên 70% số cây còn sống trong lô.

#### Vườn cây ăn trái

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

*Khấu hao các loại cây trồng lâu năm* (tiếp theo)

- (i) Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác hai mươi (20) năm.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với vườn xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (v) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp, khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước, các chi phí phát triển vườn cây ngắn ngày và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây; và
- Chi phí dự án chăn nuôi.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### *Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.14 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### *Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài*

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Nhóm Công ty đã quy đổi các báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con sử dụng đồng tiền kế toán bằng USD và KHR theo các tỷ giá như sau:

- USD/VND: tỷ giá tài sản: 25.910; tỷ giá nợ phải trả: 26.270 (31 tháng 12 năm 2024: tỷ giá tài sản: 25.349; tỷ giá nợ phải trả: 25.551); và
- KHR/VND: tỷ giá tài sản: 6,57; tỷ giá nợ phải trả: 6,67 (31 tháng 12 năm 2024: tỷ giá tài sản: 6,40; tỷ giá nợ phải trả: 6,50).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 *Vốn góp của chủ sở hữu*

##### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

#### 3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày cuối năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong khi các chi phí này đã phát sinh.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

##### *Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữ niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### 3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
Tiền mặt	703.871	1.859.475	
Tiền gửi ngân hàng	17.307.806	67.959.207	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.011.677</b>	<b>69.818.682</b>	

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngàn VND
--	---	---	----------

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai:

Cần trừ khoản cho vay hoạt động đầu tư sang các khoản phải thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	419.252.944
Cần trừ công nợ phải thu khác với phải trả khác từ hoạt động đầu tư	-	404.376.795
Cần trừ công nợ khác	-	8.568.569

#### 5. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
Phải thu từ bên liên quan (TM số 30)	131.384	67.814.950	
Phải thu từ khách hàng	4.059.530	47.268.913	
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	-	22.065.328	
- Khác	4.059.530	25.203.585	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.190.914</b>	<b>115.083.863</b>	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(41.631.763)	
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>4.190.914</b>	<b>73.452.100</b>	

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngàn VND
Số đầu kỳ	41.631.763	65.490.646	
Dự phòng trích lập trong kỳ	915.771	2.313.565	
Hoàn nhập và xóa sổ dự phòng trong kỳ	(42.547.534)	(206.043)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>67.598.168</b>	

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	68.775.714	65.154.903	
- Công ty TNHH MTV Hùng Nguyên Gia Lai	6.816.157	6.662.271	
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Việt Nhật	4.858.636	13.882.052	
- Khác	57.100.921	44.610.580	
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	65.479.700	63.095.544	
- Công ty Xây lắp Điện Chiến Hùng	9.003.164	8.808.228	
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	-	8.372.216	
- Khác	56.476.536	45.915.100	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>134.255.414</b>	<b>128.250.447</b>	
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	-	(2.140.409)	
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>134.255.414</b>	<b>126.110.038</b>	

## 7. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
Phải thu các bên liên quan từ việc cầm trù công nợ	129.092.033	136.200.791	
Tạm ứng cho nhân viên	23.986.506	19.545.711	
Khác	6.643.728	9.514.519	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>159.722.267</b>	<b>165.261.021</b>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Phải thu từ các bên liên quan (TM số 30)</i>	129.118.280	139.636.109	
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	30.603.987	25.624.912	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.985.566.678	1.671.201.451	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Hợp đồng xây dựng (i)</i>	1.351.993.137	1.249.056.805	
<i>Hoạt động sản xuất, trồng trọt</i>	633.573.541	422.144.646	
<i>Nguyên vật liệu</i>	330.034.737	280.410.763	
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	49.998.248	43.032.558	
<i>Thành phẩm</i>	34.401.458	20.781.235	
<i>Hàng mua đang đi đường</i>	-	1.689.524	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.400.001.121</b>	<b>2.017.115.531</b>	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(80.319.422)	(79.685.477)	
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.319.681.699</b>	<b>1.937.430.054</b>	

- (i) Số dư này chủ yếu thể hiện khoản chi phí xây dựng sân bay dở dang theo Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào số LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã cơ bản hoàn thiện việc xây dựng sân bay Quốc tế Nongkhang và đang trong quá trình thực hiện một số công việc còn lại nhằm hoàn tất việc nghiệm thu cuối và quyết toán dự án.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngàn VND
Số đầu kỳ	79.685.477	61.251.659	
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.509.691	159.784.363	
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(875.746)	(21.867.497)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>80.319.422</b>	<b>199.168.525</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 9. THUÉ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngàn VND</i>
<b>Phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	91.738.986	10.544.249	(2.374.988)	99.908.247	
Thuế TNDN (TM số 29.1)	631.840	127.462	-	759.302	
Thuế khác	-	1.113.424	(1.113.424)	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.370.826</b>	<b>11.785.135</b>	<b>(3.488.412)</b>	<b>100.667.549</b>	
<b>Phải nộp</b>					
Thuế TNDN (TM số 29.1)	11.385.615	320.389	-	11.706.004	
Thuế thu nhập cá nhân	1.007.681	664.465	(541.161)	1.130.985	
Thuế khác	1.088.583	172.509	(145.005)	1.116.087	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.481.879</b>	<b>1.157.363</b>	<b>(686.166)</b>	<b>13.953.076</b>	

#### 10. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngàn VND</i>
Cho vay Chính phủ Lào (*)			
	<u>2.079.634.151</u>	<u>2.034.606.179</u>	

- (\*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất với số tiền 80.263.765 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 80.263.765 USD) nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Khoản cho vay này sẽ được cấn trừ với tiền thuế, tiền thuê đất và các nghĩa vụ phải trả khác mà Nhóm Công ty phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai hoặc được Chính phủ Lào hoàn trả lại bằng tiền.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Cây trồng lâu năm	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Nhà cửa và vật kiến trúc	Gia súc chăn nuôi	Máy móc và thiết bị văn phòng	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng	Ngân VND
<b>Nguyên giá</b>									
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.701.184.211	1.292.568.536	951.872.184	236.671.872	350.747.694	3.250.431	7.155.095	8.543.450.023	
Đầu tư xây dựng cơ bản	242.827.142	-	-	77.760.170	4.384.820	-	-	324.972.132	
Mua mới	-	4.514.671	-	-	1.070.991	63.664	-	5.649.326	
Thanh lý	-	(4.493.363)	(4.643.744)	-	(31.844.728)	-	-	(40.981.835)	
Xóa sổ	-	(456.356)	-	-	-	-	-	(456.356)	
Chênh lệch tỷ giá	132.281.999	28.487.831	20.629.947	5.237.797	7.786.282	6.291	158.349	194.588.496	
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	6.076.293.352	1.320.621.319	967.858.387	319.669.839	332.145.059	3.320.386	7.313.444	9.027.221.786	
<i>Trong đó:</i>									
Đã khấu hao hết	64.150.990	223.356.156	38.148.145	-	102.971.815	3.052.443	3.499.603	435.179.152	
<b>Khấu hao lũy kế</b>									
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(1.817.456.266)	(659.961.756)	(492.322.121)	(19.262.066)	(205.630.702)	(3.139.470)	(5.338.883)	(3.203.111.264)	
Khấu hao trong kỳ	(182.282.941)	(37.891.817)	(24.868.421)	(17.290.486)	(11.666.409)	(26.115)	(136.304)	(274.162.493)	
Thanh lý	-	4.493.363	4.643.744	-	31.844.731	-	-	40.981.838	
Xóa sổ	-	306.620	-	-	-	-	-	306.620	
Chênh lệch tỷ giá	(39.604.274)	(14.489.341)	(10.656.738)	(440.120)	(4.567.919)	(4.067)	(118.158)	(69.880.617)	
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	(2.039.343.481)	(707.542.931)	(523.203.536)	(36.992.672)	(190.020.299)	(3.169.652)	(5.593.345)	(3.505.865.916)	
<b>Giá trị còn lại</b>									
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.883.727.945	632.606.780	459.550.063	217.409.806	145.116.992	110.961	1.816.212	5.340.338.759	
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	4.036.949.871	613.078.388	444.654.851	282.677.167	142.124.760	150.734	1.720.099	5.521.355.870	
<i>Trong đó:</i>									
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 21.4)	83.072.655	-	109.152.157	-	16.808.271	-	-	-	209.033.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Ngàn VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	6.032.460	6.062.791	12.095.251
Chênh lệch tỷ giá	133.505	1.832	135.337
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>6.165.965</u>	<u>6.064.623</u>	<u>12.230.588</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(3.504.890)	(3.504.890)
Hao mòn trong kỳ	-	(382.212)	(382.212)
Chênh lệch tỷ giá	-	(366)	(366)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>-</u>	<u>(3.887.468)</u>	<u>(3.887.468)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>6.032.460</u>	<u>2.557.901</u>	<u>8.590.361</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>6.165.965</u>	<u>2.177.155</u>	<u>8.343.120</u>

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DÀNG

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngàn VND</i>
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	4.203.703.955	3.647.801.857	
Nhà cửa và vật kiến trúc	896.648.265	745.803.830	
Chi phí phát triển vườn cây cao su	896.149.317	931.579.566	
Dự án nuôi bò	895.586.518	683.696.415	
Các công trình khác	520.610.556	321.676.488	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.412.698.611</u></b>	<b><u>6.330.558.156</u></b>	

Một phần chi phí xây dựng cơ bản đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 21).

## 14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với tổng giá trị là 97.188.553 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 127.865.016 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay để tài trợ vốn cho việc phát triển vườn cây cao su, cây ăn trái và các dự án khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>TM số 15.1</i> )	339.249.952	337.952.313	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ( <i>TM số 15.2</i> )	2.594.610	2.594.610	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>341.844.562</b>	<b>340.546.923</b>	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.594.610)	(2.594.610)	
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>339.249.952</b>	<b>337.952.313</b>	

#### 15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Tỷ lệ %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>339.249.952</u>	49,14	<u>337.952.313</u>

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Ngàn VND Bidiphar
<b>Giá trị đầu tư</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>286.004.636</u>
<b>Phần lãi lũy kế sau khi đầu tư</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	51.947.677
Phần lãi từ công ty liên kết được chia trong kỳ	1.297.639
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>53.245.316</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>337.952.313</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>339.249.952</u>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và  
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	(2.594.610)

## 16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngân VND  
Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Ngày 31 tháng 12 năm 2024

<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.672.042</b>	<b>10.012.595</b>
Công cụ, dụng cụ	10.978.861	8.908.925
Chi phí khác	693.181	1.103.670
 <b>Dài hạn</b>	 <b>68.385.373</b>	 <b>72.082.672</b>
Chi phí khai hoang	36.389.458	36.166.662
Công cụ, dụng cụ	24.238.948	27.224.480
Chi phí khác	7.756.967	8.691.530
 <b>TỔNG CỘNG</b>	 <b>80.057.415</b>	 <b>82.095.267</b>

## 17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

Ngân VND  
Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	660.645.649	535.030.150
- Thaco Agri	562.898.525	454.527.130
- Khác	97.747.124	80.503.020
Phải trả người bán mua máy móc thiết bị	435.450.250	347.824.942
- Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thaco Industries	389.345.193	242.533.795
- Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto	41.049.000	39.257.000
- Khác	5.056.057	66.034.147
Phải trả người bán mua tài sản cố định	375.312.514	326.755.716
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bò Trung Nguyên	335.706.484	326.518.324
- Khác	39.606.030	237.392
Phải trả nhà thầu xây dựng	120.679.287	61.738.351
Phải trả khác	11.719.328	11.719.328
 <b>TỔNG CỘNG</b>	 <b>1.603.807.028</b>	 <b>1.283.068.487</b>

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan (TM số 30)	1.410.510.154	1.152.725.712
Phải trả các bên khác	193.296.874	130.342.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
Ứng trước từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.609.629.240	1.028.543.741	
- Thaco Agri	1.587.167.243	1.007.830.559	
- Khác	22.461.997	20.713.182	
Ứng trước từ hoạt động xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào (i)	1.017.470.987	939.818.870	
Khác	24.186.851	25.418.214	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.651.287.078</b>	<b>1.993.780.825</b>	

Trong đó:

Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 30)	1.587.167.243	1.007.830.559
Các bên khác trả tiền trước	1.064.119.835	985.950.266

- (i) Số dư này thể hiện khoản ứng trước từ Chính phủ Lào về việc xây dựng sân bay quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

#### 19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
<b>Ngắn hạn</b>			
Chi phí lãi vay	1.587.365.917	1.215.349.958	
Chi phí hoạt động	1.534.332.574	1.181.137.888	
Khác	26.573.427	26.573.427	
	26.459.916	7.638.643	
<b>Dài hạn</b>			
Chi phí lãi vay	235.179.670	221.699.725	
	235.179.670	221.699.725	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.822.545.587</b>	<b>1.437.049.683</b>	
Trong đó:			
Phải trả các bên liên quan (TM số 30)	1.469.811.376	1.106.975.725	
Phải trả các bên thứ ba	352.734.211	330.073.958	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
<b>Ngắn hạn</b>			
Phải trả tiền thuê đất	162.243.356	142.810.450	
Phải trả khác	110.919.427	108.644.878	
	51.323.929	34.165.572	
<b>Dài hạn</b>			
Phải trả tiền thuê đất	159.341.154	195.696.764	
Phải trả khác	151.042.646	146.945.804	
	8.298.508	48.750.960	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>321.584.510</b>	<b>338.507.214</b>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 30)</i>			
- <i>Ngắn hạn</i>	25.567.932	21.870.165	
- <i>Dài hạn</i>	2.868.419	22.589.539	
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	293.148.159	294.047.510	

## 21. VAY

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
<b>Ngắn hạn</b>			
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (TM số 21.3 và 30)	5.132.714.070	5.132.714.070	
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 21.2 và 30)	3.932.160.518	3.932.160.518	
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 21.1)	500.000.000	500.000.000	
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 21.4)	86.039.820	46.952.672	
<b>Dài hạn</b>			
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 21.4)	304.754.468	338.255.921	
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 21.3 và 30)	273.658.627	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.229.327.503</b>	<b>9.950.083.181</b>	

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	9.611.827.260	338.255.921	9.950.083.181
Tiền thu từ đi vay	263.500.000	273.658.627	537.158.627
Vay dài hạn đến hạn trả	43.019.905	(43.019.905)	-
Chênh lệch tỷ giá	1.321.243	9.518.452	10.839.695
Tiền chi trả nợ gốc vay	(268.754.000)	-	(268.754.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<b>9.650.914.408</b>	<b>578.413.095</b>	<b>10.229.327.503</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VAY (tiếp theo)

### 21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty vay ngắn hạn nhằm tài trợ vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TP Bank"), Chi nhánh Hà Nội	500.000.000	Từ ngày 17 tháng 7 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	Lãi suất thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TP Bank + 2,35%/năm (2024: 6,0 - 7,3)	- Tài sản thuộc sở hữu của Eastern Rubber Co., Ltd (Cambodia), công ty con của công ty có cùng thành viên HDQT, đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất có kinh tế số Kor Ror 0185 có diện tích 925 ha tại Campuchia;  - Quyền sử dụng đất; quyền khai thác và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 3.128,72 ha tại Xã Talav và Xã Nhhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanaki, Campuchia, bao gồm các công trình xây dựng, kết cấu, hạ tầng kỹ thuật hiện còn và sẽ hình thành trong tương lai, cùng toàn bộ thiết bị, máy móc, tháp, rào chắn, phụ tùng, bộ phận thay thế hoặc cải tiến trên hoặc liên quan đến đất; cũng như toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ việc khai thác, sử dụng tài sản này, thuộc sở hữu của HA Oyadav.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21 VAY** (tiếp theo)

**21.2 Vay ngắn hạn từ bên liên quan**

Nhóm Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	<u>3.932.160.518</u>	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	6,5 - 8,0

**21.3 Vay dài hạn bên liên quan**

Nhóm Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	<u>5.406.372.697</u>	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2027	7,7 - 8,5
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn	273.658.627		
Vay dài hạn đến hạn trả	5.132.714.070		

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUỶẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

## 21. VAY (tiếp theo)

### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng

Nhóm Công ty vay dài hạn nhằm tài trợ dự án nuôi bò, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Nguyên tệ Ngân VND	USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
-----------	-----------------------------	-----------------------	-----	------------------------	----------------------

#### LaoVietBank, Chi nhánh Attapeu

Khoản vay 1	234.042.033	8.909.399	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2025 đến ngày 25 tháng 9 năm 2028	9,0	- Trụ sở làm việc của HA Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17/001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; và
Khoản vay 2	156.752.255	5.966.668	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2025 đến ngày 25 tháng 9 năm 2028	9,0	- Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đất bờ nhập khẩu thuộc sở hữu của HA Attapeu.
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>390.794.288</b>			Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 1.313,89 ha thuộc sở hữu của HA Quang Minh.

#### Trong đó:

Vay dài hạn  
Vay dài hạn  
đến hạn trả

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐOÀN (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lỗ /lợi kế	Ngân VNĐ	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>						
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	11.085.538.950	1.170.127.000	(1.897.856.851)	(8.102.102.128)	2.255.706.971	
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(363.509.036)	(363.509.036)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	504.670.096	-	504.670.096	
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(1.393.186.755)</u>	<u>(8.465.611.164)</u>	<u>2.396.868.031</u>	
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>						
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	11.085.538.950	1.170.127.000	(1.235.909.392)	(9.384.124.776)	1.635.631.782	
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(258.898.322)	(258.898.322)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	228.093.891	-	228.093.891	
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(1.007.815.501)</u>	<u>(9.643.023.098)</u>	<u>1.604.827.351</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Ngàn VND	
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>11.085.538.950</u>	<u>11.085.538.950</u>

### 22.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

## 23. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lỗ sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (ngàn VND)	(258.898.322)	(363.509.036)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu ( <i>cổ phiếu</i> )	1.108.553.895	1.108.553.895
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	<u>1.108.553.895</u>	<u>1.108.553.895</u>
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(234)	(328)
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(234)	(328)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 24. DOANH THU

### 24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu bán trái cây	153.048.382	87.226.722	
Doanh thu bán mủ cao su	61.713.149	57.953.087	
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	1.943.545	1.788.702	
Doanh thu bán hàng hóa	81.658	202.181	
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>216.786.734</b>	<b>147.170.692</b>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 30)</i>	175.464.537	129.143.289	
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	41.322.197	18.027.403	

### 24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	44.848.788	63.097.115	
Lãi tiền gửi ngân hàng	33.900	67.964	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.882.688</b>	<b>63.165.079</b>	

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn trái cây đã bán	124.056.212	291.403.109	
Giá vốn mủ cao su đã bán	48.893.555	116.554.220	
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.773.442	1.583.549	
Giá vốn hàng hóa	134.928	201.903	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>174.858.137</b>	<b>409.742.781</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Ngàn VND	Ngàn VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí lãi vay	229.137.334	154.767.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	853.625	3.281.494
Khác	108.691	2.840.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>230.099.650</b>	<b>160.889.654</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Ngàn VND	Ngàn VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.241.889</b>	<b>5.109.756</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.017.886	496.673
Chi phí vận chuyển	1.126.527	1.582.673
Chi phí nhân viên	846.252	2.115.892
Khác	251.224	914.518
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>8.362.110</b>	<b>11.501.839</b>
Chi phí nhân viên	4.844.082	4.368.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.043.300	2.977.973
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	915.771	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	596.593	1.005.990
Khác	962.364	3.149.661
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.603.999</b>	<b>16.611.595</b>

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND	Ngàn VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Thu nhập khác</b>	<b>26.453.838</b>	<b>2.223.069</b>
Xóa sổ các khoản phải trả	20.963.842	781.230
Thu bán phế liệu	4.530.449	1.441.839
Khác	959.547	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>130.325.935</b>	<b>1.956.312</b>
Chi phí xóa sổ tài sản không hiệu quả	124.820.322	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	5.436.395	874.109
Khác	69.218	1.082.203
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>(103.872.097)</b>	<b>266.757</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2024: 20%).

Các công ty con của Công ty tại Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và tại Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trinh bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 29.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	Ngàn VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	233.893
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	431.500	(2.203.591)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>431.500</b>	<b>(1.969.698)</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và kết quả của lãi/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Ngàn VND	Ngàn VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(258.466.822)</b>	<b>(365.478.734)</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	369.413.176	445.121.394
Chênh lệch lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	(69.480.179)	(24.268.443)
Các khoản chi phí không được trừ	1.208.371	1.377.719
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	(1.807.939)	(1.564.283)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(44.356.467)	(48.125.649)
Lãi từ công ty liên kết	(1.297.639)	(11.162.768)
Các khoản khác	4.787.499	5.270.229
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>-</b>	<b>1.169.465</b>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	-	233.893
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>-</b>	<b>233.893</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	10.753.775	10.426.679
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(118.272)	(35.446)
Chênh lệch tỷ giá	311.199	473.364
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>10.946.702</b>	<b>11.098.490</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 9)	11.706.004	11.384.321
Thuế TNDN trả trước (TM số 9)	(759.302)	(285.831)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 29.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lãi/lỗ kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

### 29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ		Ngàn VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		
Chênh lệch lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	61.685.061	61.685.061	-	2.526.907	
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	34.793.453	35.224.953	(431.500)	(323.316)	
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>96.478.514</b>	<b>96.910.014</b>			
<i>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>			<b>(431.500)</b>	<b>2.203.591</b>	

## 30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phúc Thịnh (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Thành viên độc lập HĐQT
THACO	Cổ đông lớn, công ty có cùng thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	Cỗ đông lớn, công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico ("Daun Penh")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas ("HA Andong Meas")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("HA Lumphat")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Cây ăn trái Thagrico Cao Nguyên ("Thagrico Cao Nguyên")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bò Trung Nguyên ("Bò Trung Nguyên")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Công Nông Nghiệp Thadico ("Thadico")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai ("Cơ khí Chu Lai")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Thaco Chu Lai ("Thaco Bao bì")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Chuyên dụng Thaco ("Thaco Thiết bị Chuyên dụng")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thaco Industries ("Thaco ID M&E")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Eastern Rubber (Campuchia) ("Eastern Rubber")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công Ty TNHH MTV Gia công thép Chu Lai - Trường Hải ("Thép Chu Lai")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Thilogi ("Thilogi Vận tải")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công Ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa Thaco ("Thaco Linh kiện Nhựa")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Thilogi Lào ("Thilogi Lào")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Sản xuất Xe Chuyên dụng THACO ("Thaco Xe Chuyên dụng")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto ("Thaco Auto Phân phối")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Sản xuất Sơ mi rơ moóc và Cầu kiện nặng Thaco Industries ("Thaco Rơ moóc")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Đóng gói & Tháo kiện Kiểm hàng Thilogi ("Thaco Đóng gói")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Sản xuất Găng tay Chu Lai ("Thaco Găng tay")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Bidiphar	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thaco Agri	Nhận ứng trước mua hàng hóa Lãi vay Vay Ứng trước mua hàng hóa Mua vật tư, hàng hóa và dịch vụ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cần trừ công nợ Trả gốc vay	631.406.550 362.991.096 273.658.627 263.500.000 215.474.627 175.423.453 -	- 237.357.855 1.035.850.000 - 167.173.987 129.141.381 412.945.364 135.400.000
Thaco ID M&E	Mua hàng hóa Cho mượn	135.106.567 -	107.850.545 2.265.674
Thép Chu Lai	Mua hàng hóa	33.730.392	-
Daun Penh	Thu tiền cho mượn Cho vay Bù trừ nợ gốc vay Cần trừ công nợ	10.655.737 7.445.175 -	- 30.619.371 94.037.261 79.520.500
Thaco Linh kiện Nhựa	Mua hàng hóa	6.100.360	-
Thaco Bao bì	Mua hàng hóa	5.274.336	3.538.257
THACO	Mua tài sản và dịch vụ	4.391.886	-
Thaco Thiết bị Chuyên dụng	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.972.726	4.476.165
Thilogi Lào	Chi hộ	2.941.667	-
HA Lumphat	Thu tiền cho mượn Bù trừ nợ gốc vay Cho vay	2.540.105 -	- 34.485.698 13.453.396
Thaco Xe Chuyên dụng	Mua hàng hóa	2.050.559	-
Thadico	Chi hộ	1.847.456	2.010.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngàn VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thaco Auto Phân phối	Mua tài sản	1.659.259		-
Thilogi	Mua dịch vụ	1.575.691		-
Thaco Rơ moóc	Mua tài sản	1.111.566		-
Eastern Rubber	Mua hàng hóa Bù trừ nợ gốc vay Cho vay	1.024.079 - -		135.057.275 33.380.397
HA Andong Meas	Thu tiền cho mượn Cho vay Bù trừ nợ gốc vay	264.457 32.250 -	22.450.920 101.685.126 145.370.244	
Bò Trung Nguyên	Bán hàng hóa Mua tài sản	41.084 -		105.846.417
Cơ khí Chu Lai	Mua vật tư và hàng hóa	-		2.433.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngân VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</b>				
Thaco Agri	Bán hàng hóa	-	67.814.950	
Bò Trung Nguyên	Bán hàng hóa	131.384	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>131.384</b>	<b>67.814.950</b>	
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 7)</b>				
Thaco Agri	Cấn trừ công nợ	63.317.050	71.815.958	
	Chi hộ	2.253.958	1.070.586	
Thadico	Chi hộ	20.229.637	17.981.512	
Daun Penh	Chi hộ	15.898.861	27.569.926	
	Cho mượn vật tư	2.233.800	-	
Thaco ID M&E	Chi hộ	8.254.820	6.429.786	
HA Andong Meas	Chi hộ	6.882.502	7.870.906	
Thilogi Vận tải	Chi hộ	3.121.314	2.302.924	
Thilogi Lào	Chi hộ	2.902.149	-	
HA Lumphat	Chi hộ	1.859.310	4.346.637	
Khác	Khác	2.164.879	247.874	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>129.118.280</b>	<b>139.636.109</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 17)</i></b>			
Thaco Agri	Mua vật tư và hàng hóa	562.898.525	454.527.130
Thaco ID M&E	Mua vật tư và hàng hóa	393.424.659	242.533.795
Bò Trung Nguyên	Mua tài sản	335.706.484	326.518.324
Thaco Auto Phân phối	Mua tài sản và hàng hóa	41.075.318	39.283.321
Thép Chu Lai	Mua dịch vụ	25.573.497	14.525.327
Thaco Thiết bị Chuyên dụng	Mua hàng hóa	24.457.177	20.138.680
Thilogi Vận tải	Mua dịch vụ	7.554.106	7.267.603
Thilogi	Mua dịch vụ	5.456.068	6.325.242
THACO	Mua tài sản	4.831.055	-
Thaco Bao bì	Mua hàng hóa	3.230.854	7.992.311
Thaco Linh kiện Nhựa	Mua hàng hóa	2.189.262	4.053.188
Thaco Đóng gói	Mua dịch vụ	1.231.395	1.197.692
Thaco Rơ moóc	Mua hàng hóa	1.142.220	-
Thaco Găng tay	Mua vật tư	1.134.813	282.719
Khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	604.721	28.080.380
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.410.510.154</b>	<b>1.152.725.712</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 18)</i></b>			
Thaco Agri	Úng tiền mua trái cây	1.587.167.243	1.007.830.559
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 19)</i></b>			
Thaco Agri	Lãi vay	1.469.679.615	1.106.688.519
	Mua hàng hóa	131.761	131.206
Thilogi	Mua dịch vụ	-	156.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.469.811.376</b>	<b>1.106.975.725</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 20)</i></b>			
Thaco Agri	Cần trừ công nợ	21.462.779	20.827.778
	Khác	1.870.594	-
Eastern Rubber	Mượn vật tư	1.037.285	-
Cơ khí Chu Lai	Chi hộ	333.340	324.216
Khác	Khác	863.934	718.171
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>25.567.932</b>	<b>21.870.165</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND
<b>Phải trả dài hạn khác (TM số 20)</b>				
Thaco Agri	Chi hộ	1.736.070	1.688.554	
Cơ khí Chu Lai	Chi hộ	793.290	20.562.546	
Khác	Chi hộ	339.059	338.439	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.868.419</b>	<b>22.589.539</b>	
<b>Vay ngắn hạn (TM số 21.2 và TM số 21.3)</b>				
Thaco Agri	Vay	<u>9.064.874.588</u>	<u>9.064.874.588</u>	
<b>Vay dài hạn (TM số 21.3)</b>				
Thaco Agri	Vay	<u>273.658.627</u>	<u>-</u>	

Thu nhập (bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác) cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	144.000	144.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	-	-
Ông Phan Bá Cường	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	-	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên độc lập	-	-
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>144.000</b>	<b>144.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 31. CÁC CAM KẾT

#### *Cam kết thuê hoạt động*

Nhóm Công ty thuê đất tại Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngàn VND
Đến 1 năm	20.689.595	20.123.635	
Từ 1 đến 5 năm	85.732.959	82.764.365	
Trên 5 năm	<u>697.732.382</u>	<u>688.999.349</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>804.154.936</u></b>	<b><u>791.887.349</u></b>	

#### *Dự phòng bảo hành dự án xây dựng sân bay*

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Nhóm Công ty đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho dự án này, vì dự án chưa được quyết toán hoàn thành.

#### *Cam kết góp vốn*

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Nhóm Công ty có khoản cam kết với số tiền là 400.000.000 USD liên quan đến việc đầu tư góp vốn vào Nam Lào, nhằm thực hiện dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào.

### 32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Các loại ngoại tệ:		
- LAK	7.487.335.530	9.939.353.019
- KHR	7.913.339	516.279.127
- USD	244.516	1.638.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

#### 33.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Nông nghiệp, trồng và thu hoạch cao su và cây ăn trái, chăn nuôi bò; và
- ▶ Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**33.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

	Nông nghiệp	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ	Ngân VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>				
<i>Doanh thu</i>				
Tùy khách hàng bên ngoài	214.761.531	2.025.203	-	216.786.734
Giữa các bộ phận	45.732.308	227.864.687	(273.596.995)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.493.839</b>	<b>229.889.890</b>	<b>(273.596.995)</b>	<b>216.786.734</b>
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Kết quả của bộ phận	41.811.764	116.833	41.928.597	(116.476.096)
Chi phí hoạt động				
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính			(74.547.499)	
Doanh thu tài chính			44.882.688	
Chi phí tài chính			(230.099.650)	
Chia lãi trong công ty liên kết			1.297.639	
Lỗ kế toán trước thuế			(258.466.822)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-	
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			(431.500)	
<b>Lỗ thuần trong kỳ</b>	<b>(258.898.322)</b>			
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	15.799.303.836	2.142.755.030	-	17.942.058.866
Đầu tư vào công ty liên kết	339.249.952			339.249.952
<b>Tổng tài sản</b>				<b>18.281.308.818</b>
<i>Nợ phải trả của bộ phận</i>				
(15.923.232.252)		(753.249.215)		(16.676.481.467)
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>(16.676.481.467)</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

### 33.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Ngân VND		
	Nông nghiệp	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>			
<i>Doanh thu</i>			
Tử khách hàng bên ngoài	145.179.809	1.990.883	-
Giữa các bộ phận	39.513.675	176.659.366	(216.173.041)
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.693.484</b>	<b>178.650.249</b>	<b>(216.173.041)</b>
			<b>147.170.692</b>
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
Kết quả của bộ phận	(262.777.520)	205.431	
Chi phí hoạt động			
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính			(262.572.089)
Doanh thu tài chính			(16.344.838)
Chi phí tài chính			(278.916.927)
Chia lãi từ công ty liên kết			63.165.079
Lỗ kế toán trước thuế			(160.889.654)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			11.162.768
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			(365.478.734)
<b>Lỗ thuần trong kỳ</b>			<b>(233.893)</b>
			<b>2.203.591</b>
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>			
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>			
Tài sản của bộ phận	14.122.141.035	2.235.400.422	-
Đầu tư vào công ty liên kết	337.952.313	-	-
<b>Tổng tài sản</b>			<b>16.695.493.770</b>
Nợ phải trả của bộ phận	(1.568.722.074)	(13.491.139.914)	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>(15.059.861.988)</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

### 33.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản, công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	62.200.514	136.282.572	18.303.648	216.786.734
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	(323.837.477)	-	(323.837.477)
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	1.464.246.087	13.989.434.939	2.488.377.840	17.942.058.866
Đầu tư vào công ty liên kết	339.249.952	-	-	339.249.952
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.803.496.039</b>	<b>13.989.434.939</b>	<b>2.488.377.840</b>	<b>18.281.308.818</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	40.242.960	89.015.446	17.912.286	147.170.692
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	(114.606.182)	(89.866.276)	(204.472.458)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	2.413.396.930	11.826.785.492	2.117.359.035	16.357.541.457
Đầu tư vào công ty liên kết	337.952.313	-	-	337.952.313
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.751.349.243</b>	<b>11.826.785.492</b>	<b>2.117.359.035</b>	<b>16.695.493.770</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Phan Bá Cường  
Phó Tổng Giám đốc

